

Số : 417/XNK-CBTT

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
  - Mã chứng khoán: AGM
  - Địa chỉ: Số 01 Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
  - Điện thoại: 0296. 3844 669 - 9999 999 Fax: 0296.3843 239.
  - E-mail: info@angimex.com
- Nội dung thông tin công bố:
  - Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
  - Giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán và Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang vào ngày 25/8/2023 tại địa chỉ: <http://www.angimex.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo Tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán.
- Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Công văn số 416/XNK-TCKT ngày 24/8/2023 về việc giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán và Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: VT, Người được UQ CBTT

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Thanh Tùng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT  
Sao Viet Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**Báo cáo tài chính riêng  
đã kiểm toán**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

**SVC SVC SVC SVC SVC S  
VC SVC SVC SVC SVC SVC**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 3
2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
4. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
5. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG	9
6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 53

A577  
HINH  
NG T  
EM T  
AO V  
YG-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**  
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang  
**THÔNG TIN CHUNG**

**1. Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

**2. Hoạt động chính**

- Xây xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

**3. Trụ sở đăng ký**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

**4. Hội đồng quản trị**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lê Tiến Thịnh	Chủ tịch	29/12/2022	-
Ông Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	22/7/2021	19/4/2022
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	19/4/2022	28/6/2022
Ông Nghiêm Hải Anh	Chủ tịch	28/6/2022	29/12/2022
Ông Vũ Ngọc Long	Phó Chủ tịch	28/6/2022	29/12/2022
Ông Hồ Đăng Dân	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Võ Kim Nguyên	Thành viên	28/6/2022	-
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	29/12/2022	-
Ông Nguyễn Đồng Giang	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh	Thành viên	29/6/2023	-
Ông Đặng Doãn Kiên	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Lê Văn Huy	Thành viên	12/6/2020	15/3/2022
Ông Trần Ngọc Thạch	Thành viên	15/3/2022	28/6/2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**  
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang  
**THÔNG TIN CHUNG**

**5. Ban kiểm soát**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Lâm Trường	Trưởng ban	28/6/2022	29/6/2023
Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	22/7/2021	28/6/2022
Ông Dương Thanh Bình	Thành viên	28/6/2022	29/6/2023
Ông Huỳnh Minh Phương	Thành viên	29/12/2022	29/6/2023
Ông Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Ông Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	22/7/2021	28/6/2022
Bà Huỳnh Thị Kim Oanh	Thành viên	28/6/2022	29/12/2022

**6. Ủy ban kiểm toán**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Võ Kim Nguyên	Chủ tịch	06/7/2023	-
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	06/7/2023	-

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 124/BB-DHĐCĐ ngày 29/6/2023, Công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị thay thế hoạt động cho Ban kiểm soát được bãi nhiệm ngày 29/6/2023.

**7. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	04/3/2022	-
Ông Võ Thanh Bào	Tổng Giám đốc	20/9/2021	04/3/2022
Ông Bùi Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	22/3/2021	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc	17/3/2023	-
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	31/10/2022	17/3/2023
Ông Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	23/6/2021	03/7/2023
Ông Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	03/7/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Giám đốc tài chính	13/01/2022	17/3/2023
Bà Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	22/6/2017	-

**Người đại diện theo pháp luật:**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đương nhiệm trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**  
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang  
**THÔNG TIN CHUNG**

**8. Kiểm toán viên**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.



**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**HUỲNH THANH TÙNG**  
**Tổng Giám đốc**

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**  
Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang (“Công ty”) trình bày bản Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt các Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Huỳnh Thanh Tùng**  
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023



Số: 08.23.22/2023/BCKT/SV – CNI

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 8 năm 2023 từ trang 7 đến trang 53 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

### **Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.7 của Báo cáo tài chính riêng cho thấy Công ty đã phát sinh khoản lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 178.173.849.284 VND, và cũng tại ngày này nợ phải trả ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND, trong đó một phần do bao gồm khoản huy động trái phiếu chuyển từ khoản mục vay dài hạn sang khoản mục vay ngắn hạn là 350.000.000.000 VND (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 67.968.085.701 VND), và thanh khoản trái phiếu ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Giá định về hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty có thể thanh toán hoặc tái cấu trúc lại các khoản nợ vay và trái phiếu sắp đáo hạn, cũng như thực hiện các giải pháp khác để tạo ra dòng tiền để tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty như đã được trình bày tại Thuyết minh VIII.8. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh VIII.7 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 18 tháng 02 năm 2022.



**Đặng Thị Thiên Nga**  
Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 0462-2023-107-1  
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt  
Cần Thơ, ngày 24 tháng 8 năm 2023

**Trần Phương Yên**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 3601-2021-107-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>470.601.546.241</b>	<b>1.091.556.861.243</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>3.951.452.553</i>	<i>228.425.294.646</i>
1. Tiền	111		3.951.452.553	183.425.294.646
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	45.000.000.000
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>62.340.000.000</i>	<i>58.500.000.000</i>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	62.505.203.375	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2	(38.565.203.375)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	38.400.000.000	58.500.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>353.129.099.437</i>	<i>666.547.187.909</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	71.274.227.366	289.604.207.549
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	245.196.027.442	209.990.927.925
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	1.700.000.000	12.800.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	78.387.460.569	156.053.678.053
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(43.428.615.940)	(1.901.625.618)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.9</i>	<i>34.913.329.209</i>	<i>126.027.127.032</i>
1. Hàng tồn kho	141		34.913.329.209	129.254.167.886
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.227.040.854)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>16.267.665.042</i>	<i>12.057.251.656</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	690.942.020	335.021.542
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.576.723.022	11.537.595.586
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.21	-	184.634.528
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>884.291.964.763</b>	<b>697.858.969.452</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>2.532.247.406</i>	<i>1.834.247.406</i>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	2.532.247.406	1.834.247.406
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>274.401.327.546</i>	<i>270.645.623.836</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	57.610.269.608	192.918.702.396
- Nguyên giá	222		243.257.462.086	392.061.698.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(185.647.192.478)	(199.142.995.874)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	88.405.663.692	-
- Nguyên giá	225		90.792.387.627	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.386.723.935)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	128.385.394.246	77.726.921.440
- Nguyên giá	228		133.070.096.556	80.963.961.581
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.684.702.310)	(3.237.040.141)
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>1.094.964.143</i>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.094.964.143
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		<i>600.553.596.248</i>	<i>417.440.298.000</i>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	677.342.694.927	195.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	56.751.148.000	95.951.148.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	19.950.000	126.289.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.17	(133.560.196.679)	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>6.804.793.563</i>	<i>6.843.836.067</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	6.804.793.563	5.926.391.212
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	-	917.444.855
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.354.893.511.004</b>	<b>1.789.415.830.695</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.225.582.360.288</b>	<b>1.367.792.480.709</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>966.844.563.410</b>	<b>1.023.588.775.542</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.19	114.854.047.191	19.907.767.873
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.20	19.467.158.051	140.958.105.796
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.21	989.343.233	6.039.377.358
4. Phải trả người lao động	314		1.538.682.170	1.976.338.391
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.22	24.717.522.244	7.846.481.875
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.23	4.664.492.083	4.591.640.451
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.24	795.893.181.836	837.816.047.196
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	4.720.136.602	4.453.016.602
13. Quỹ bình ổn giá	323			-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>258.737.796.878</b>	<b>344.203.705.167</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.23	668.200.000	976.381.818
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.24	256.079.898.862	340.799.833.333
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.26	1.989.698.016	2.427.490.016
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>129.311.150.716</b>	<b>421.623.349.986</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.27	<b>129.311.150.716</b>	<b>421.623.349.986</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		120.464.000.000	120.464.000.000
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.021.000.000	5.021.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(178.173.849.284)	114.138.349.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		113.138.349.986	85.951.785.049
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(291.312.199.270)	28.186.564.937
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.354.893.511.004</b>	<b>1.789.415.830.695</b>

Cao Phước Qui  
Người lập

Trần Thị Cẩm Chân  
Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tùng  
Tổng Giám Đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.816.079.003.964	2.884.281.290.183
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	57.760.561	5.561.289.773
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	2.816.021.243.403	2.878.720.000.410
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.675.451.441.766	2.763.925.559.456
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		140.569.801.637	114.794.440.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	50.525.249.382	52.047.920.822
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	286.278.059.068	18.700.344.006
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		83.990.728.135	12.632.017.746
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	138.153.398.274	89.144.919.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	70.377.920.568	25.206.810.424
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(303.714.326.891)	33.790.288.073
11. Thu nhập khác	31	VI.7	14.825.600.614	1.689.502.640
12. Chi phí khác	32	VI.8	769.186.234	410.387.643
13. Lợi nhuận khác	40		14.056.414.380	1.279.114.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(289.657.912.511)	35.069.403.070
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.21	736.841.904	6.773.825.639
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.18	917.444.855	109.012.494
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(291.312.199.270)	28.186.564.937
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



Cao Phước Qui  
Người lập



Trần Thị Cẩm Châm  
Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc  
An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(289.657.912.511)	35.069.403.070
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	16.393.198.749	14.506.501.472
- Các khoản dự phòng	03	210.425.349.522	2.315.565.286
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(3.207.665.690)	2.458.473.983
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(37.655.436.245)	(42.185.059.729)
- Chi phí lãi vay	06	83.990.728.135	12.632.017.746
3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(19.711.738.040)	24.796.901.828
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	433.468.235.788	(596.183.522.699)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	94.340.838.677	(128.935.430.946)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)	11	(42.095.987.767)	166.810.000.548
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.234.322.829)	509.834.909
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(62.505.203.375)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(64.384.552.545)	(10.808.015.024)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.732.026.679)	(4.408.924.444)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(731.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	<b>332.145.243.230</b>	<b>(548.950.705.828)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(168.454.688.648)	(199.344.877.348)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	62.141.877.544	189.837.229
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(102.880.000.000)	(143.030.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	93.880.000.000	246.330.106.426
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(315.200.000.000)	(78.962.996.693)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	19.180.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.676.238.556	5.959.436.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<b>(426.836.572.548)</b>	<b>(149.678.493.557)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.417.802.164.065	2.514.579.712.586
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.513.914.672.425)	(1.689.488.315.390)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(33.669.773.533)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	<b>(129.782.281.893)</b>	<b>825.091.397.196</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	<b>(224.473.611.211)</b>	<b>126.462.197.811</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	<b>228.425.294.646</b>	<b>102.145.552.300</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(230.882)	(182.455.465)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		<b>3.951.452.553</b>	<b>228.425.294.646</b>

Cao Phước Qui  
Người lậpTrần Thị Cẩm Châm  
Kế toán trưởngHuỳnh Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5203000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 27 ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là “AGM” theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 182.000.000.000 VND bao gồm 18.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

#### 2. Hoạt động chính

- Xay xát thóc lúa;
- Đánh bóng và xuất khẩu gạo;
- Mua bán lương thực và thực phẩm;
- Mua bán xe gắn máy và phụ tùng;
- Sản xuất phân bón và mua bán hóa chất nông nghiệp.

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 4. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty con sau:

TT	Công ty con	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông thôn Đồng Tháp	100,00	100,00	Sản xuất phân bón	Cao Lãnh, Đồng Tháp
3.	Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Tri Tôn, An Giang
4.	Công ty TNHH Angimex Furious	70,00	70,00	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và dịch vụ sửa chữa	Long Xuyên, An Giang

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Nông nghiệp Công nghệ cao Angimex	100,00	100,00	Hoạt động dịch vụ nông nghiệp	Thoại Sơn, An Giang
6.	Công ty TNHH MTV Thu mua Lương thực Angimex (*)	100,00	100,00	Mua bán lương thực	Thoại Sơn, An Giang
7.	Công ty TNHH MTV Kỹ Nguyên Xanh (*)	100,00	100,000	Sản xuất các sản phẩm từ trấu	Cao Lãnh, Đồng Tháp
8.	Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (Công ty con của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex)	100,00	100,00	Kinh doanh lương thực	Thoại Sơn, An Giang

(\*) Thực tế, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa góp vốn vào các Công ty con này. Riêng Công ty TNHH thu mua lương thực Angimex, Công ty đã làm thủ tục giải thể, đóng mã số thuế vào ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

TT	Công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Hoạt động chính	Trụ sở chính
1.	Công ty TNHH Angimex - Kitoku	32,96	32,96	Xuất nhập khẩu gạo	Long Xuyên, An Giang
2.	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	25,00	25,00	Kinh doanh siêu thị	Long Xuyên, An Giang
3.	Công ty CP Golden Paddy	29,55	29,55	Sản xuất và kinh doanh lương thực	Châu Thành, An Giang
4.	Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	49,00	49,00	Kinh doanh lương thực	TP.Hồ Chí Minh

#### Chi nhánh trực thuộc Công ty

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đặt tại tầng 4, số 353 – 355 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động của Chi nhánh: kinh doanh lương thực.

#### 5. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 117 nhân viên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 130 nhân viên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### 6. Thông tin so sánh

Các số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

#### 2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

#### 3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng: không có.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

#### 2. Mục đích lập Báo cáo tài chính riêng

Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các Công ty con là những Công ty mà Nhóm Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Cuối kỳ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### 4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

*Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng bao gồm:*

- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ;
- Dự phòng phải trả dài hạn

*Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý*

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015 đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm các quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này nên Ban Tổng Giám đốc đang xem xét và áp dụng đối với tài sản và nợ phải trả theo nguyên tắc giá gốc.

#### Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

##### *Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 6. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh và được nắm giữ chủ yếu cho mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ kế toán. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

#### ***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

#### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

#### **Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

#### **7. Nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị, cá nhân độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu, cụ thể như sau:

**Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:**

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên phù hợp với tỷ lệ quy định tại Thông tư số 48/2019/TT – BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính.

**Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi:** căn cứ vào mức tổn thất dự kiến để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp đến quá trình sản xuất sản phẩm.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

**Phương pháp tính giá xuất kho:** bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của từng mặt hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng các tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

#### 10. Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên, nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được phân bổ dần hoặc ghi nhận hết vào chi phí kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản vô hình của Công ty bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 01 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

#### Chương trình phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

#### 13. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### Công cụ dụng cụ

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tối đa không quá 3 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 14. Nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**16. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

**17. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

**18. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán riêng này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

**19. Vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**20. Phân chia lợi nhuận**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

**Công ty trích lập các quỹ sau:**

***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư chiều sâu và mở rộng sản xuất kinh doanh để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

***Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu***

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

***Quỹ khen thưởng, phúc lợi***

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để khen thưởng, khuyến khích, nâng cao phúc lợi cho nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**21. Doanh thu**

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Thu nhập lãi**

Tiền lãi ngân hàng được ghi nhận theo nguyên tắc dự thu dựa trên thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Thu nhập lãi khác được ghi nhận khi được hưởng.

#### **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

#### **22. Khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

Khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của Bảng cân đối kế toán riêng nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

#### **23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### 24. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ mua bán chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

#### 25. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

#### 26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

#### 27. Chi phí thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 28. Bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết là các bên liên quan. Các bên liên doanh, liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên doanh, liên kết này hoặc những công ty liên doanh, liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 29. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	41.889.070	1.017.855.372
Tiền gửi ngân hàng	3.909.563.483	182.407.439.274
Các khoản tương đương tiền – Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	45.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.951.452.553</u></b>	<b><u>228.425.294.646</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tư vấn thương mại Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	62.505.203.375	23.940.000.000	(38.565.203.375)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>62.505.203.375</b>	<b>23.940.000.000</b>	<b>(38.565.203.375)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	38.400.000.000	38.400.000.000	58.500.000.000	58.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.400.000.000</b>	<b>38.400.000.000</b>	<b>58.500.000.000</b>	<b>58.500.000.000</b>

(\*) Số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,4%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	9.087.849.371	-
Bên thứ ba	71.274.227.366	(17.877.461.340)	280.516.358.178	(1.716.781.618)
- Moi International	-	-	52.658.239.028	-
- Cty TNHH Lương thực Khánh Hân	-	-	31.573.350.400	-
- Công ty TNHH XNK Lương thực C&N	-	-	29.916.504.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Helen	-	-	31.008.782.000	-
- Công ty Cổ Phần Golden Paddy SG	23.054.500.000	(16.138.150.000)	-	-
- Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Đông Nam Bộ	21.174.500.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Dũng Kỳ	19.924.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	7.121.227.366	(1.739.311.340)	135.359.482.750	(1.716.781.618)
<b>Cộng</b>	<b>71.274.227.366</b>	<b>(17.877.461.340)</b>	<b>289.604.207.549</b>	<b>(1.716.781.618)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 24.797.403.240 VND và 1.913.330.240 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	1.049.190.000	-
Bên thứ ba	245.196.027.442	(25.318.573.000)	208.941.737.925	-
Huỳnh Thị Thúy Vy (*)	179.240.016.890	-	105.700.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Kiên Giang	-	-	40.400.000.000	-
Công ty TNHH Tân Kỳ	8.100.000.000	-	22.570.000.000	-
Công ty TNHH MTV Louis Rice Long An	36.169.390.000	(25.318.573.000)	-	-
Các nhà cung cấp khác	21.686.620.552	-	40.271.737.925	(184.844.000)
<b>Cộng</b>	<b>245.196.027.442</b>	<b>(25.318.573.000)</b>	<b>209.990.927.925</b>	<b>(184.844.000)</b>

(\*) Công ty đã ký Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng khác với Bà Huỳnh Thị Thúy Vy đối với 6 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 01/2021/HĐĐC ký ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐĐC/PL01 ký ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Nhà máy Hoàng Long tại Đồng Tháp đặt tại Ấp An Ninh, xã Định An, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đều liên quan đến 6 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nêu trên và đang được Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu An Giang đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để sang tên cho Công ty theo Công văn số 531/STNMT-QLDD ngày 14/02/2023 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn đã quá hạn thanh toán lần lượt là 36.169.390.000 VND và 184.844.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

**6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Bên liên quan	-	-	12.800.000.000	-
Bên thứ ba	1.700.000.000	-	-	-
Công ty TNHH SXTM Lê Phúc Khang	1.700.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.800.000.000</b>	<b>-</b>

Số dư thể hiện các khoản cho vay có thời hạn dưới 12 tháng, với lãi suất 8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Phải thu khác****7.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<i>Bên liên quan</i>	69.887.110.600	-	137.620.348.670	-
<i>Bên thứ ba</i>	8.500.349.969	-	18.433.329.383	-
- Tạm ứng hợp đồng di thuê tài chính	1.500.000.000	-	14.282.333.675	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản thuê tài chính chờ ghi nhận	1.427.293.879	-	-	-
- Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	-	-	2.720.000.000	-
- Lãi tiền gửi	719.852.054	-	1.038.017.808	-
- Tạm ứng	4.483.530.745	-	341.592.609	-
- Phải thu ngắn hạn khác	369.673.291	(232.581.600)	51.385.291	-
<b>Cộng</b>	<b>78.387.460.569</b>	<b>(232.581.600)</b>	<b>156.053.678.053</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 318.288.000 VND như đã trình bày tại Thuyết minh V.8.

**7.2. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
<i>Bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Bên thứ ba</i>	2.532.247.406	-	1.834.247.406	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	2.532.247.406	-	1.834.247.406	-
<b>Cộng</b>	<b>2.532.247.406</b>	<b>-</b>	<b>1.834.247.406</b>	<b>-</b>

**8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2022 như sau:

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	Từ 1 đến 3 năm	24.797.403.240	(17.877.461.340)	6.919.941.900
Trả trước cho người bán ngắn	Dưới 1 năm	36.169.390.000	(25.318.573.000)	10.850.817.000
Phải thu ngắn hạn khác	Từ 1 đến 3 năm	318.288.000	(232.581.600)	85.706.400
<b>Cộng</b>		<b>61.285.081.240</b>	<b>(43.428.615.940)</b>	<b>17.856.465.300</b>

Chi tiết số dư nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2021 như sau:

Khoản mục	Thời gian quá hạn	Nợ khó đòi	Đã lập dự phòng	Chưa lập dự phòng
Giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	Từ 1 đến 3 năm	2.098.174.240	(1.901.625.618)	196.548.622
<b>Cộng</b>		<b>2.098.174.240</b>	<b>(1.901.625.618)</b>	<b>196.548.622</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

*Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.901.625.618)	(1.686.584.746)
Trích lập dự phòng bổ sung	(41.526.990.322)	(215.040.872)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(43.428.615.940)</b>	<b>(1.901.625.618)</b>

**9. Hàng tồn kho**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	510.712.756	-	6.487.491.607	-
Công cụ dụng cụ	7.870.654.277	-	6.261.850.867	-
Sản phẩm dở dang	-	-	2.031.935.198	-
Thành phẩm	8.603.876.431	-	44.703.767.439	(2.650.929.489)
Hàng hóa	17.928.085.745	-	69.769.122.775	(576.111.365)
<b>Cộng</b>	<b>34.913.329.209</b>	<b>-</b>	<b>129.254.167.886</b>	<b>(3.227.040.854)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần hàng tồn kho của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

*Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.227.040.854)	(318.736.940)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(2.908.303.914)
Hoàn nhập dự phòng	3.227.040.854	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>(3.227.040.854)</b>

**10. Chi phí trả trước****10.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	54.472.539	263.569.714
Khác	636.469.481	71.451.828
<b>Cộng</b>	<b>690.942.020</b>	<b>335.021.542</b>

**10.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí san lấp mặt bằng	2.945.263.256	3.093.367.111
Công cụ và dụng cụ	153.963.677	523.644.542
Khác	3.705.566.630	2.309.379.559
<b>Cộng</b>	<b>6.804.793.563</b>	<b>5.926.391.212</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	135.571.600.878	237.041.075.218	13.129.314.853	6.319.707.321	392.061.698.270
Mua trong kỳ	1.983.146.364	49.658.100.627	1.054.318.182	5.209.123.475	57.904.688.648
Đầu tư XDCB hoàn Thành	430.459.000	-	-	-	430.459.000
Góp vốn	(32.048.745.988)	(99.041.356.150)	-	(3.835.118.478)	(134.925.220.616)
Thanh lý, nhượng bán	(3.805.760.601)	(64.520.311.706)	(3.571.590.909)	(316.500.000)	(72.214.163.216)
Phân loại lại	-	(3.807.527.977)	(42.088.728)	3.849.616.705	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>102.130.699.653</b>	<b>119.329.980.012</b>	<b>10.569.953.398</b>	<b>11.226.829.023</b>	<b>243.257.462.086</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số đầu năm	74.802.436.420	107.786.102.334	10.872.349.850	5.682.107.270	199.142.995.874
Khấu hao trong kỳ	3.705.597.721	7.546.091.811	585.682.055	717.867.338	12.555.238.925
Góp vốn	(84.448.975)	(919.751.729)	-	(37.114.050)	(1.041.314.754)
Thanh lý, nhượng bán	(13.688.716.521)	(9.585.641.110)	(1.418.869.936)	(316.500.000)	(25.009.727.567)
Phân loại lại	-	-	(37.468.796)	37.468.796	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>64.734.868.645</b>	<b>104.826.801.306</b>	<b>10.001.693.173</b>	<b>6.083.829.354</b>	<b>185.647.192.478</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	60.769.164.458	129.254.972.884	2.256.965.003	637.600.051	192.918.702.396
<b>Số cuối năm</b>	<b>37.395.831.008</b>	<b>14.503.178.706</b>	<b>568.260.225</b>	<b>5.142.999.669</b>	<b>57.610.269.608</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 125.405.536.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 119.535.046.514 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần máy móc thiết bị của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh V.24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**12. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	-	-
Thuê tài chính trong năm	90.792.387.627	90.792.387.627
<b>Số cuối năm</b>	<b>90.792.387.627</b>	<b>90.792.387.627</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	2.386.723.935	2.386.723.935
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.386.723.935</b>	<b>2.386.723.935</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>88.405.663.692</b>	<b>88.405.663.692</b>

Số dư thể hiện máy móc thiết bị thuê tài chính được thuê từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Hợp đồng cho thuê có thời hạn là 60 tháng với lãi suất thay đổi theo từng giai đoạn. Công ty được quyền mua lại tài sản thuê tài chính này sau khi hợp đồng cho thuê kết thúc với giá bán lại được thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê.

**13. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	80.006.463.581	957.498.000	80.963.961.581
Mua trong năm	110.350.000.000	-	110.350.000.000
Góp vốn	(58.112.362.785)	-	(58.112.362.785)
Thanh lý, nhượng bán	(131.502.240)	-	(131.502.240)
<b>Số cuối năm</b>	<b>132.112.598.556</b>	<b>957.498.000</b>	<b>133.070.096.556</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	2.761.741.658	475.298.483	3.237.040.141
Khấu hao trong năm	1.312.011.289	139.224.600	1.451.235.889
Góp vốn	(3.573.720)	-	(3.573.720)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.070.179.227</b>	<b>614.523.083</b>	<b>4.684.702.310</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	77.244.721.923	482.199.517	77.726.921.440
<b>Số cuối năm</b>	<b>128.042.419.329</b>	<b>342.974.917</b>	<b>128.385.394.246</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 261.375.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, một phần quyền sử dụng đất của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và trái phiếu (Thuyết minh V.24).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**14. Đầu tư vào Công ty con**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO	15.200.000.000	-	15.200.000.000	-
Công ty TNHH Lương thực Angimex	80.000.000.000	(20.752.093.304)	180.000.000.000	-
Công ty TNHH Angimex Furious	84.750.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	491.992.694.927	(93.161.560.826)	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	5.400.000.000	(1.100.088.883)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>677.342.694.927</b>	<b>(115.013.743.013)</b>	<b>195.200.000.000</b>	<b>-</b>

**Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty con**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp - DASCO	15.200.000.000	100%	15.200.000.000	100%
Công ty TNHH Lương thực Angimex	80.000.000.000	100%	180.000.000.000	100%
Công ty TNHH Angimex Furious	84.750.000.000	70%	-	-
Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	491.992.694.927	100%	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	5.400.000.000	100%	-	-
<b>Cộng</b>	<b>677.342.694.927</b>	<b>-</b>	<b>195.200.000.000</b>	<b>-</b>

**15. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cty TNHH Angimex - Kitoku	2.951.148.000	-	2.951.148.000	-
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	11.500.000.000	-	11.500.000.000	-
Cty CP Golden Paddy	32.500.000.000	(18.106.962.243)	32.500.000.000	-
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	49.000.000.000	-
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.800.000.000	(419.541.423)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>56.751.148.000</b>	<b>(18.526.503.666)</b>	<b>95.951.148.000</b>	<b>-</b>

**Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết của Công ty tại các Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Tỷ lệ (%)	Giá gốc	Tỷ lệ (%)
Cty TNHH Angimex - Kitoku	2.951.148.000	32,96%	2.951.148.000	32,96%
Cty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	11.500.000.000	25,00%	11.500.000.000	25,00%
Cty CP Golden Paddy	32.500.000.000	29,55%	32.500.000.000	29,55%
Cty TNHH Angimex Furious	-	-	49.000.000.000	49,00%
Cty TNHH Thương Mại Louis Angimex	9.800.000.000	49,00%	-	-
<b>Cộng</b>	<b>56.751.148.000</b>	<b>-</b>	<b>95.951.148.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**16. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DAP Vinachem	-	-	126.289.150.000	-
Đơn vị khác	19.950.000	(19.950.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.950.000</b>	<b>(19.950.000)</b>	<b>126.289.150.000</b>	-

Trong năm 2022. Công ty đã nhượng bán toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP DAP Vinachem và ghi nhận khoản lãi từ hoạt động đầu tư này vào doanh thu tài chính số tiền 22.062.617.375 VND.

**17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư vào Công ty con	(115.013.743.013)	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	(18.526.503.666)	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(19.950.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>(133.560.196.679)</b>	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(133.540.246.679)	-
Điều chỉnh cho năm trước	(19.950.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>133.560.196.679</b>	-

**18. Tài sản thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	-	485.498.003
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	-	431.946.852
<b>Cộng</b>	-	<b>917.444.855</b>

Biến động về thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	917.444.855	1.026.457.349
Ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(917.444.855)	(109.012.494)
<b>Số dư cuối năm</b>	-	<b>917.444.855</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	485.498.003
Khác	-	431.946.852
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>917.444.855</b>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại năm 2021 là 15% và 20% .

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Tại thời điểm 31/12/2022, tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản chênh lệch tạm thời như lãi vay trong giao dịch liên kết không được trừ trong năm nay, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính theo kế toán ... vì Công ty ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

**19. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Bên liên quan</b>	<b>108.834.655.205</b>	<b>-</b>
<b>Bên thứ ba</b>	<b>6.019.391.986</b>	<b>19.907.767.873</b>
- Cty TNHH MTV Kho Vận Wings Global	782.832.255	6.802.212.229
- Cty TNHH Phạm Trí Nguyễn	-	3.274.166.519
- Cty TNHH vận chuyển Thuận Phong	186.604.920	2.099.409.255
- Cty CP Tiếp vận Phước Tạo	117.080.856	1.919.509.998
- Khác	4.932.873.955	5.812.469.872
<b>Cộng</b>	<b>114.854.047.191</b>	<b>19.907.767.873</b>

**20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Bên liên quan</b>	<b>8.930.880.721</b>	<b>125.630.540.020</b>
<b>Bên thứ ba</b>	<b>10.536.277.330</b>	<b>15.327.565.776</b>
- Isaj Sea Transport Corporation	6.878.690.854	-
- Khác	3.657.586.476	15.327.565.776
<b>Cộng</b>	<b>19.467.158.051</b>	<b>140.958.105.796</b>

**21. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
- Thuế TNDN	-	5.732.026.679	736.841.904	(5.732.026.679)	-	736.841.904
- Thuế TNCN	-	307.350.679	1.441.084.121	(1.495.933.471)	-	252.501.329
- Thuế nhà đất	184.634.528	-	1.391.402.197	(1.206.767.669)	-	-
- Thuế khác	-	-	803.261.860	(803.261.860)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>184.634.528</b>	<b>6.039.377.358</b>	<b>4.372.590.082</b>	<b>(9.237.989.679)</b>	<b>-</b>	<b>989.343.233</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế. Do vậy, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2022 có thể sẽ thay đổi khi có quyết toán của Cơ quan thuế.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các hoạt động áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

**Chi phí thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(289.657.912.511)</b>	<b>35.069.403.070</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	96.906.123.454	1.821.631.058
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.594.002.231)	(3.021.905.932)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(194.345.791.288)</b>	<b>33.869.128.196</b>
<b>Lỗ được chuyển lỗ</b>	<b>(198.030.000.807)</b>	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>3.684.209.519</b>	<b>33.869.128.196</b>
Trong đó,		
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Hoạt động kinh doanh lương thực	15%	15%
Hoạt động khác (kể cả bất động sản)	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>736.841.904</b>	<b>6.773.825.639</b>
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>736.841.904</b>	<b>6.773.825.639</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**22. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	22.091.324.025	2.485.148.435
Phí quản lý tài sản	-	2.000.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	1.696.000.000	420.278.000
Khác	930.198.219	2.941.055.440
<b>Cộng</b>	<b>24.717.522.244</b>	<b>7.846.481.875</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**23. Phải trả khác**

**23.1. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	1.561.084.893	1.317.814.893
- Phải trả về cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
- Các khoản phải trả khác	685.828.397	856.246.765
<b>Cộng</b>	<b>4.664.492.083</b>	<b>4.591.640.451</b>

**23.2. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Bên thứ ba</b>		
- Nhận tiền ký quỹ	668.200.000	976.381.818
<b>Cộng</b>	<b>668.200.000</b>	<b>976.381.818</b>

**24. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	795.893.181.836	837.816.047.196
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	256.079.898.862	340.799.833.333
<b>Cộng</b>	<b>1.051.973.080.698</b>	<b>1.178.615.880.529</b>

**24.1. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Bên liên quan</b>	<b>1.900.000.000</b>	-
Công ty TNHH Angimex Furious (VND) (24.1.8)	1.900.000.000	-
<b>Bên thứ ba</b>	<b>439.052.840.776</b>	<b>837.816.047.196</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - CN An Giang (VND) (24.1.1.)	2.863.547.692	33.123.484.500
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (VND) (24.1.2.)	23.530.000.000	72.513.803.496
Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam - CN Bắc An Giang (USD) (24.1.2.)	290.046.510.000	578.372.035.440
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (VND) (24.1.3)	6.976.300.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang (USD)	-	16.367.813.760
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (VND) (24.1.4)	390.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN An Giang (USD) (24.1.4)	27.440.967.300	55.649.760.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN TP Hồ Chí Minh (USD) (24.1.5)	78.207.870.000	-
Vay cá nhân - Trần Thị Thùy Dương (VND) (24.1.6)	2.079.319.000	-
Công ty CP chứng khoán Trí Việt (VND)	-	81.789.150.000
Vay cán bộ công nhân viên (VND) (24.1.7)	7.518.326.784	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>354.940.341.060</b>	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN TP Hồ Chí Minh (VND)	5.919.507.725	-
Trái phiếu AGMH2123001 - Nợ gốc (24.1.9)	350.000.000.000	-
Trái phiếu AGMH2123001 - Phí	(979.166.665)	-
<b>Cộng</b>	<b>795.893.181.836</b>	<b>837.816.047.196</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- 24.1.1. Khoản vay ngắn hạn theo hình thức thẻ tín dụng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, không có tài sản thế chấp.
- 24.1.2. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/548402/HĐTD, có kỳ hạn từ 105 ngày đến 4 tháng với lãi suất từ 3,6%/năm đến 9,5%/năm: Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.11 và Thuyết minh V.13)
- 24.1.3. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 469/2021 /HĐTD/AGG/01, có kỳ hạn 8 tháng với lãi suất 8,75%/năm. Khoản vay nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty (Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.4. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 4245/22MN/HĐTD, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất từ 5,55%/năm đến 12%/năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty, quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty (Thuyết minh V.3, Thuyết minh V.4 và Thuyết minh V.9).
- 24.1.5. Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 3126/22/TD/I, có kỳ hạn 4 tháng với lãi suất 5% năm. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Công ty (Thuyết minh V.13).
- 24.1.6. Khoản vay ngắn hạn với cá nhân theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2022 đến số 07/HĐTD/2022 có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 9%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.7. Khoản vay ngắn hạn với các cán bộ công nhân viên Công ty theo Thông báo số 489/TB-XNK có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 2%/năm đến 12%/năm. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.8. Khoản vay ngắn hạn từ các bên liên quan, có kỳ hạn dưới 12 tháng với lãi suất theo từng thời kỳ. Đây là khoản vay tín chấp và nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- 24.1.9. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 69/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021, Nghị quyết số 101/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2123001 sẽ được sử dụng để mua nhà máy gạo tại Đồng Tháp để mở rộng hoạt động sản xuất chế biến gạo. Ngày đáo hạn là ngày 09 tháng 11 năm 2023. Theo Biên bản Hội nghị sở hữu trái phiếu AGMH2123001 tổ chức ngày 03/02/2023, trái chủ đồng ý phát mãi tài sản đảm bảo để thanh toán cả gốc và lãi cho trái chủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Chi tiết số phát sinh khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	837.816.047.196	273.889.500.000
Số tiền vay phát sinh	2.007.455.544.199	2.253.414.862.586
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	3.139.482.062	-
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang	354.940.341.060	-
Số tiền vay đã trả	<u>(2.407.458.232.681)</u>	<u>(1.689.488.315.390)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>795.893.181.836</u></b>	<b><u>837.816.047.196</u></b>

**24.2. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ thuê tài chính	46.551.398.860	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM	46.551.398.860	-
Vay trái phiếu	209.528.500.002	340.799.833.333
Trái phiếu AGMH2223001 – Nợ gốc (24.2.1)	210.001.000.000	342.954.000.000
Trái phiếu AGMH2223001 – Phí	(472.499.998)	(2.154.166.667)
<b>Cộng</b>	<b><u>256.079.898.862</u></b>	<b><u>340.799.833.333</u></b>

24.2.1. Trái phiếu được phát hành trên cơ sở Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu AGMH2223001 sẽ được sử dụng để đầu tư, góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chế Biến Lương Thực Angimex (Công ty con, tổ chức phát hành sở hữu 100% vốn) nhằm bổ sung vốn lưu động, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao năng lực sản xuất, chế biến lúa gạo. Theo nghị quyết người sở hữu trái phiếu số 01/NQ-NSHTP ngày 04/7/2023, đã thông qua việc gia hạn trái phiếu AGMH2223001 đến ngày 14/9/2024.

**Chi tiết số phát sinh khoản vay dài hạn trong năm như sau:**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	340.799.833.333	-
Số tiền vay phát sinh	410.346.619.866	342.954.000.000
Số tiền vay đã trả	(140.126.213.277)	-
Vay dài hạn đến hạn trả chuyển sang ngắn hạn	(354.940.341.060)	-
Giảm khác	-	(2.154.166.667)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>256.079.898.862</u></b>	<b><u>340.799.833.333</u></b>

**25. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.453.016.602	4.184.566.602
Trích quỹ trong năm	1.000.000.000	1.000.000.000
Thu quỹ phòng chống thiên tai	9.963.374	-
Sử dụng quỹ	(742.843.374)	(731.550.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>4.720.136.602</u></b>	<b><u>4.453.016.602</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**26. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên	1.989.698.016	2.427.490.016
<b>Cộng</b>	<b><u>1.989.698.016</u></b>	<b><u>2.427.490.016</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

27. **Vốn chủ sở hữu**

27.1 **Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	86.951.785.049	394.436.785.049
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	28.186.564.937	28.186.564.937
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>120.464.000.000</b>	<b>5.021.000.000</b>	<b>114.138.349.986</b>	<b>421.623.349.986</b>
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	182.000.000.000	120.464.000.000	5.021.000.000	114.138.349.986	421.623.349.986
Lợi nhuận trong năm nay (*)	-	-	-	(291.312.199.270)	(291.312.199.270)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>120.464.000.000</b>	<b>5.021.000.000</b>	<b>(178.173.849.284)</b>	<b>129.311.150.716</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 254/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thống nhất không thực hiện phân phối lợi nhuận cho năm 2022 do kinh doanh của Công ty không có lợi nhuận; đồng thời không thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020, 2021 mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 và 2022 đã thông qua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*) Chi tiết lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2022 như sau:

	<b>Số cuối năm</b>
Lợi nhuận sau thuế các năm trước chưa chia	113.138.349.986
Lợi nhuận sau thuế các năm nay của HĐKD bất động sản	2.029.922.760
Cổ tức được chia và các khoản không chịu thuế	1.594.002.231
Lỗ được phép chuyển lỗ đến 2027	(198.030.000.807)
Lỗ không được phép chuyển lỗ	(96.906.123.454)
<b>Cộng</b>	<b>(178.173.849.284)</b>

(\*\*) Trích lập quỹ phúc lợi năm 2022 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 135/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/3/2022: 1.000.000.000 VND.

Vốn góp của các cổ đông như sau:

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>VND</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>VND</i>
Công ty cổ phần Louis Holdings	-	-	23%	41.859.500.000
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	-	28%	51.265.500.000
Các cổ đông khác	100%	182.000.000.000	49%	88.875.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>182.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>182.000.000.000</b>

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

**27.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	182.000.000.000	182.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	-	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**27.3 Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: không có*
- + *Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có*
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**27.4 Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
- Số lượng CP đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	18.200.000	18.200.000
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	18.200.000	18.200.000
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.200.000	18.200.000
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	18.200.000	18.200.000
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu

**28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****28.1. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	8.768,92	2.319.925,00

**28.2. Cam kết thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh VIII.4

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thẻ hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng nông sản	2.780.164.001.404	2.849.141.044.222
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	-	419.250.006
Doanh thu khác	35.915.002.560	34.720.995.955
<b>Cộng</b>	<b>2.816.079.003.964</b>	<b>2.884.281.290.183</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	-	(5.561.289.773)
Hàng bán bị trả lại	(57.760.561)	-
<b>Cộng</b>	<b>(57.760.561)</b>	<b>(5.561.289.773)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu thuần bán hàng nông sản	2.780.106.240.843	2.843.579.754.449
Doanh thu thuần bán xe gắn máy và phụ tùng	-	419.250.006
Doanh thu thuần khác	35.915.002.560	34.720.995.955
<b>Cộng</b>	<b>2.816.021.243.403</b>	<b>2.878.720.000.410</b>

Trong đó,

**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan như sau:**

	Năm nay	Năm trước
- Công ty con	489.024.521.971	769.181.387.216
- Công ty liên doanh, liên kết	788.458.800	14.680.127.795
<b>Cộng</b>	<b>489.812.980.771</b>	<b>783.861.515.011</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng nông sản	2.675.451.441.766	2.763.506.309.450
- Giá vốn hàng xe gắn máy và phụ tùng	-	419.250.006
<b>Cộng</b>	<b>2.675.451.441.766</b>	<b>2.763.925.559.456</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.588.211.953	4.289.289.437
Lợi nhuận được chia	1.088.026.603	2.234.076.432
Lãi bán hàng trả chậm	5.046.490	351.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.542.609.817	8.885.188.822
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	3.207.665.690	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	31.071.454	-
Lãi thuần từ việc chuyển nhượng công ty con	-	35.700.000.000
Lãi đầu tư hoạt động tài chính khác	22.062.617.375	939.015.131
<b>Cộng</b>	<b>50.525.249.382</b>	<b>52.047.920.822</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi tiền vay	83.990.728.135	12.632.017.746
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.158.528.793	3.609.852.277
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	2.458.473.983
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	133.540.246.679	-
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	38.565.203.375	-
Chi phí do các hoạt động tài chính khác	2.023.352.086	-
<b>Cộng</b>	<b>286.278.059.068</b>	<b>18.700.344.006</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.451.823.700	2.449.496.303
Chi phí vật liệu, bao bì	43.782.206.884	17.092.790.080
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.138.826	25.949.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.856.967.499	68.168.834.038
Chi phí bằng tiền khác	3.024.261.365	1.407.849.800
<b>Cộng</b>	<b>138.153.398.274</b>	<b>89.144.919.273</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.167.395.450	11.221.252.676
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.446.906.401	2.816.747.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.393.640.733	784.050.472
Thuế, phí và lệ phí	2.445.412.587	1.340.415.103
Chi phí dự phòng	41.526.990.322	215.040.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.682.178.999	2.171.925.783
Chi phí bằng tiền khác	3.715.396.076	6.657.377.943
<b>Cộng</b>	<b>70.377.920.568</b>	<b>25.206.810.424</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập nhượng bán, thanh lý TSCĐ	13.939.932.400	-
- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	61.275.870.289	-
- Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	(47.335.937.889)	-
Thu nhập khác	885.668.214	1.689.502.640
<b>Cộng</b>	<b>14.825.600.614</b>	<b>1.689.502.640</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	190.246.152
Chi phí khác	769.186.234	220.141.491
<b>Cộng</b>	<b>769.186.234</b>	<b>410.387.643</b>

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên vật liệu	492.336.094.005	412.461.008.175
- Chi phí nhân công	19.914.316.106	15.326.721.235
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.498.514.014	14.506.501.472
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.602.842.599	75.176.138.467
- Chi phí khác bằng tiền	31.861.280.719	37.120.178.249
<b>Cộng</b>	<b>635.213.047.443</b>	<b>554.590.547.598</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng khoản vay ngắn hạn	-	81.789.150.000
Góp vốn bằng tài sản cố định và công cụ dụng cụ	191.992.694.927	18.017.053.307

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Công nợ tiềm tàng**

**Chi phí hoàn nguyên liên quan đến đất thuê**

Công ty có các hợp đồng thuê đất và đã thực hiện đầy đủ việc xây dựng công trình và hạ tầng trên các lô đất thuê này. Đa số các hợp đồng không có quy định rõ ràng về nghĩa vụ cần hoàn nguyên khu đất thuê. Ban Tổng Giám đốc đánh giá là Công ty có thể có các nghĩa vụ trong tương lai liên quan đến việc tháo dỡ, di dời các tài sản của Công ty ra khỏi khu đất và phục hồi khu đất về tình trạng ban đầu tại cuối thời hạn thuê đất, và nghĩa vụ này chỉ có thể xác định được rõ ràng khi có thêm các sự kiện trong tương lai, ví dụ như các trao đổi bổ sung với bên cho thuê đất hay khi cơ quan chức năng ban hành bổ sung các văn bản pháp luật làm rõ nghĩa vụ của bên đi thuê khi hợp đồng thuê đất không nêu rõ điều khoản hoàn nguyên. Do đó, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng chi phí hoàn nguyên vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng như không phát sinh các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Quách Tất Liệt (*)	-	18.760.000.000
Cộng	-	18.760.000.000

(\*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng để thực hiện công việc kinh doanh của Công ty và đã được hoàn ứng trong tháng 01 năm 2022. Tại thời điểm nhận tạm ứng, cá nhân này chưa phải là bên liên quan của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	-	350.000.000
Lê Huỳnh Gia Hoàng	Chủ tịch	-	119.000.000
Đỗ Thành Nhân	Chủ tịch	335.000.000	335.000.000
Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch	211.000.000	
Nguyễn Minh Tân	Chủ tịch	-	40.000.000
Cao Thị Phi Hoàng	Chủ tịch	-	40.000.000
Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên	-	40.000.000
Lê Văn Huy	Thành viên	60.000.000	90.000.000
Trịnh Văn Bảo	Thành viên	54.000.000	50.000.000
Đặng Doãn Kiên	Thành viên	50.000.000	50.000.000
Nguyễn Lê Văn	Thành viên	50.000.000	50.000.000
<b>Tổng thu nhập</b>		<b>760.000.000</b>	<b>1.164.000.000</b>

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và nhân sự quản lý khác	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Huỳnh Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	1.538.422.300	854.589.001
Võ Thanh Bào	Tổng Giám đốc	253.226.800	258.628.572
Vũ Tiến Hùng	Tổng Giám đốc	-	318.609.570
Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	-	566.700.000
Trần Vũ Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	909.521.255	351.746.001
Quách Tất Liệt	Phó Tổng Giám đốc	787.936.944	-
Nguyễn Thị Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc	280.500.000	-
Vũ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc	233.241.486	-
Ngô Văn Trị	Phó Tổng Giám đốc	58.350.900	697.640.250
Trần Thị Cẩm Châm	Kế toán trưởng	706.104.823	514.618.784
<b>Tổng thu nhập</b>		<b>4.767.304.508</b>	<b>3.562.532.178</b>

Thù lao của Ban kiểm soát	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	40.000.000	40.000.000
Hồ Lê Hoàng Anh	Thành viên	25.000.000	25.000.000
Nguyễn Bá Ngọc	Thành viên	25.000.000	25.000.000
<b>Tổng thu nhập</b>		<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

#### 2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

*Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:*

Bên liên quan khác	Quan hệ
- Công ty TNHH Dịch vụ Phát Triển Nông Nghiệp Đồng Tháp	Công ty con
- Công ty TNHH Lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH Angimex Furious	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Chế biến lương thực Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Angimex Định Thành (*)	Công ty con (cấp 2)
- Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH TM Sài Gòn - An Giang	Công ty liên kết
- Công ty CP Golden Paddy	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Thương Mại Louis Angimex	Công ty liên kết
- Công ty CP Louis Capital (**)	Công ty thành viên thuộc tập đoàn

(\*) Trở thành công ty con vào ngày 19/12/2022.

(\*\*) Không còn là các bên liên quan tại thời điểm 31/12/2022 do Louis Holding đã thoái vốn trong khoảng thời gian từ ngày 29/7/2022 đến ngày 26/8/2022.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	788.458.800	1.408.140.000
Công ty con	489.024.521.971	767.773.247.216
<b>Cộng</b>	<b>489.812.980.771</b>	<b>783.861.515.011</b>

Mua hàng hóa và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty con	621.582.080.629	765.611.638.103
<b>Cộng</b>	<b>621.582.080.629</b>	<b>765.611.638.103</b>

Góp vốn	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh, liên kết	9.800.000.000	32.500.000.000
Công ty con	633.152.694.927	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>642.952.694.927</b>	<b>52.500.000.000</b>

Giảm vốn	Năm nay	Năm trước
Công ty con	200.010.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>200.010.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>Chuyển nhượng vốn góp</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bên liên quan khác	-	83.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>83.300.000.000</b>
<b>Nhận chuyển nhượng vốn</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bên liên quan khác	32.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.300.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận được chia</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty liên doanh, liên kết	1.088.026.603	2.234.076.432
<b>Cộng</b>	<b>1.088.026.603</b>	<b>2.234.076.432</b>
<b>Cho vay</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty liên doanh, liên kết	-	114.060.000.000
Công ty con	14.600.000.000	27.620.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>141.680.000.000</b>
<b>Thu hồi cho vay</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty liên doanh, liên kết	-	110.460.000.000
Công ty con	14.600.000.000	29.270.106.426
<b>Cộng</b>	<b>14.600.000.000</b>	<b>139.730.106.426</b>
<b>Lãi cho vay</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty liên doanh, liên kết	-	-
Công ty con	398.592.837	939.015.131
<b>Cộng</b>	<b>398.592.837</b>	<b>939.015.131</b>
<b>Đi vay</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty con	47.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>47.600.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Trả nợ vay</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty con	47.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>47.600.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Trả lãi vay</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty con	244.926.027	-
<b>Cộng</b>	<b>244.926.027</b>	<b>-</b>

**Số dư với các bên liên quan khác**

<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty liên doanh, liên kết	-	9.087.849.371
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>9.087.849.371</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty liên doanh, liên kết	-	1.049.190.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.049.190.000</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty liên doanh, liên kết	-	12.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>12.800.000.000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty liên doanh, liên kết	-	530.161.644
Công ty con	69.887.110.600	53.530.187.026
Bên lên quan khác	-	64.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>69.887.110.600</b>	<b>118.860.348.670</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty con	108.834.655.205	-
<b>Cộng</b>	<b>108.834.655.205</b>	<b>-</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty con	8.930.880.721	125.630.40.020
<b>Cộng</b>	<b>8.930.880.721</b>	<b>125.630.40.020</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty con	68.856.164	-
<b>Cộng</b>	<b>68.856.164</b>	<b>-</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty con	1.900.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.900.000.000</b>	<b>-</b>

**3. Thông tin về bộ phận**

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp và khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Năm 2022**

	<b>Doanh thu bán hàng nông sản</b>	<b>Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng</b>	<b>Doanh thu khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần	2.780.106.240.843	-	35.915.002.560	2.816.021.243.403
Giá vốn hàng bán	(2.675.451.441.766)	-	-	(2.675.451.441.766)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>104.654.799.077</b>	<b>-</b>	<b>35.915.002.560</b>	<b>140.569.801.637</b>

**Năm 2021**

	<b>Doanh thu bán hàng nông sản</b>	<b>Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng</b>	<b>Doanh thu khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
Doanh thu thuần	2.843.579.754.449	419.250.006	34.720.995.955	2.878.720.000.410
Giá vốn hàng bán	(2.763.506.309.450)	(419.250.006)	-	(2.763.925.559.456)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>80.073.444.999</b>	<b>-</b>	<b>34.720.995.955</b>	<b>114.794.440.954</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc với các báo cáo tài chính đính kèm

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Khu vực địa lý****Năm 2022**

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.048.728.823.726	1.767.292.419.677	2.816.021.243.403
Giá vốn hàng bán	(1.009.945.515.092)	(1.665.505.926.674)	(2.675.451.441.766)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>39.945.392.834</b>	<b>100.624.408.803</b>	<b>140.569.801.637</b>

**Năm 2021**

	Trong nước	Ngoài nước	Tổng cộng
Doanh thu thuần	1.755.624.365.604	1.123.095.634.806	2.878.720.000.410
Giá vốn hàng bán	(1.663.499.119.660)	(1.100.426.439.796)	(2.763.925.559.456)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>92.125.245.944</b>	<b>22.669.195.010</b>	<b>114.794.440.954</b>

**4. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty phải trả mức tiền thuê tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	861.355.425	1.227.448.428
Từ 1 đến 5 năm	3.445.421.700	5.029.793.712
Trên 5 năm	24.851.735.150	18.604.873.508
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>29.158.512.275</b>	<b>24.862.115.648</b>

**5. Cam kết vốn**

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	-	54.034.835.805
Từ 1 đến 5 năm	-	34.939.343.220
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>-</b>	<b>88.974.179.025</b>

**6. Cam kết góp vốn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Angimex	-	350.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Louis - Angimex	-	9.800.000.000
Cty TNHH MTV Dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao Angimex	24.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kỳ Nguyên Xanh Angimex	20.000.000.000	-
<b>Tổng cộng các khoản góp vốn tối thiểu</b>	<b>44.600.000.000</b>	<b>359.800.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

Số 1 Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Thông tin về hoạt động liên tục**

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty đã có số lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng là 178.173.849.284 VND. Khoản lỗ này đã làm cho vốn góp của chủ sở hữu (vốn điều lệ) tại ngày 31/12/2022 bị giảm xuống chỉ còn 3.826.150.716 VND, tương đương 2,1% vốn góp của chủ sở hữu.


**Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn**


Tại ngày 31/12/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 496.243.017.169 VND (Tại ngày 01/01/2022, Công ty có nợ phải trả ngắn hạn thấp hơn tài sản ngắn hạn là 67.968.085.701 VND), điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty và có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.


**8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Vào ngày 18 tháng 1 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 207/NQ-HĐQT thông qua việc chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Công ty con). Vào ngày 10 tháng 3 năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng 98% vốn góp nêu trên cho Công ty TNHH Khánh Tây Đô theo Hợp đồng chuyển nhượng số 94/HĐCNPVG-CTY DASCO.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2023, Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cũng như thoái vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết để tái cấu trúc hoạt động của Công ty, giảm khó khăn về nguồn vốn, chi phí lãi vay, giảm lỗ trong thời gian tới.

  
Cao Phước Qui  
Người lập

  
Trần Thị Cẩm Châm  
Kế toán trưởng

  
Huỳnh Thanh Tùng  
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: HIG./XNK-TCKT

An Giang, ngày 25 tháng 08 năm 2023

(V/v Giải trình lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán – Giải trình chênh lệch trước và sau kiểm toán)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 như sau:

**I. Giải trình Lợi nhuận năm 2022 đã kiểm toán so với Lợi nhuận năm 2021 đã kiểm toán:**

**1. Đối với BCTC riêng lẻ:**

Trong năm 2022, doanh thu trên BCTC của Angimex giảm 62.699 triệu đồng, tương ứng giảm 2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên chi phí bán hàng, logistic lại tăng mạnh làm ảnh hưởng đến hiệu quả công ty. Đồng thời, công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán 38.565 triệu đồng, trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi 43.429 triệu đồng và chi phí tài chính tăng 267.578 triệu đồng (chủ yếu do chi phí lãi vay tăng và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác). Đây là những nguyên nhân chủ yếu làm kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ.

**2. Đối với BCTC hợp nhất:**

Trong tự báo cáo riêng, các khoản trích lập dự phòng: dự phòng giảm giá chứng khoán, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và chi phí tài chính tăng là nguyên nhân chủ yếu làm lợi nhuận sau thuế lỗ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC HN			
	2022	2021	Chênh lệch	%	2022	2021	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	2.816.021	2.878.720	-62.699	-2%	3.429.849	3.924.841	-494.991	-13%
Giá vốn hàng bán	2.675.451	2.763.926	-88.474	-3%	3.250.301	3.690.587	-440.286	-12%
Lợi nhuận gộp	140.570	114.794	25.775	22%	179.548	234.253	-54.705	-23%
Doanh thu hoạt động tài chính	50.525	52.048	-1.523	-3%	75.359	47.158	28.201	60%
Chi phí tài chính	286.278	18.700	267.578	1431%	163.180	27.304	135.875	498%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>83.991</i>	<i>12.632</i>	<i>71.359</i>	<i>565%</i>	<i>94.123</i>	<i>21.000</i>	<i>73.123</i>	<i>348%</i>
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	00	00	00	0%	5.126	551	4.575	830%
Chi phí bán hàng	138.153	89.145	49.008	55%	200.411	176.171	24.240	14%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.378	25.207	45.171	179%	141.828	36.236	105.592	291%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-303.714	33.790	-337.505	-999%	-245.384	42.252	-287.636	-681%
Lợi nhuận khác	14.056	1.279	12.777	999%	14.925	15.337	-412	-3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-289.658	35.069	-324.727	-926%	-230.459	57.589	-288.048	-500%
Thuế TNDN	1.654	6.883	-5.229	-76%	2.523	12.876	-10.353	-80%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-291.312	28.187	-319.499	-1134%	-232.983	44.712	-277.695	-621%

## II. Giải trình chênh lệch KQKD năm 2022 trước và sau kiểm toán:

### 1. Đối với BCTC riêng lẻ:

Lợi nhuận năm 2022 chênh lệch trước và sau kiểm toán giảm thêm 180.283 triệu đồng là do:

- Công ty đã trích dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo đúng qui định thông tư 48/2019/TT-BTC. Tuy nhiên, kiểm toán đánh giá mức độ tổn thất cao hơn, nên đã trích thêm các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi và các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác vào kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Trích bổ sung chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 theo Nghị quyết Chủ sở hữu trái phiếu sau thời điểm Công ty công bố BCTC tự lập.

### 2. Đối với BCTC hợp nhất:

Tương tự báo cáo riêng, Công ty ghi nhận thêm khoản trích bổ sung dự phòng các khoản phải thu khó đòi vào chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí lãi vay trái phiếu phải trả đến 31.12.2022 vào chi phí tài chính đã làm kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ thêm 93.686 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng 2022				BCTC HN 2022			
	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%	Trước kiểm toán	Đã kiểm toán	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng & dịch vụ	2.840.425	2.816.021	-24.404	-1%	3.454.343	3.429.849	-24.494	-1%
Giá vốn hàng bán	2.699.360	2.675.451	-23.909	-1%	3.269.605	3.250.301	-19.304	-1%
Lợi nhuận gộp	141.065	140.570	-495	0%	184.739	179.548	-5.190	-3%
Doanh thu hoạt động tài chính	50.525	50.525	00	0%	75.359	75.359	00	0%
Chi phí tài chính	131.623	286.278	154.655	117%	142.065	163.180	21.114	15%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>62.876</i>	<i>83.991</i>	<i>21.114</i>	<i>34%</i>	<i>73.008</i>	<i>94.123</i>	<i>21.114</i>	<i>29%</i>
Phần lãi lỗ trong Cty LDLK	-	-	-	-	9.986	5.126	-4.860	-49%
Chi phí bán hàng	138.153	138.153	00	0%	204.956	200.411	-4.545	-2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.688	70.378	23.690	51%	76.671	141.828	65.157	85%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-124.875	-303.714	-178.839	143%	-153.609	-245.384	-91.776	60%
Lợi nhuận khác	14.056	14.056	00	0%	15.392	14.925	-467	-3%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-110.818	-289.658	-178.839	161%	-138.217	-230.459	-92.243	67%
Thuế TNDN	211	1.654	1.443	685%	1.080	2.523	1.443	134%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	-111.029	-291.312	-180.283	162%	-139.296	-232.983	-93.686	67%

Kính trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH THANH TÙNG

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, Thư ký HĐQT